



ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AIC**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, người đại diện cho pháp luật và thời gian hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Mục tiêu kinh doanh của công ty.	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và trách nhiệm.	7
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty.	7
Chương II	8
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.	8
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu.	9
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần.	10
Chương III	12
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 10. Quyền hạn của cổ đông Công ty	12
Điều 11. Nghĩa vụ của các cổ đông.	12
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.	13
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.	14
Điều 14. Các đại diện được ủy quyền.	15
Điều 15. Thay đổi các quyền.	16
Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo.	17
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.	18
Điều 18. Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản.	20
Chương IV	21
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ.	21
Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.	22
Điều 21. Chủ tịch, Phó chủ tịch, và thành viên Hội đồng quản trị.	25
Điều 22. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.	25
Điều 23. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.	26
Chương V	30
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	30
Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý.	30
Điều 25. Người quản lý.	30
Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.	30
Điều 27. Thư ký Công ty.	32



Điều 28. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý.	32
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.	32
Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường.	34
Chương VI	35
BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn và việc bổ nhiệm Ban Kiểm soát.	35
Chương VII.....	38
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	38
Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.	38
Chương VIII.....	39
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	39
Điều 33. Cổ tức.	39
Chương IX	41
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 34. Tài khoản ngân hàng.	41
Điều 35. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.	41
Điều 36. Năm tài khóa.	41
Điều 37. Hệ thống kế toán.	41
Chương X.....	42
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 38. Báo cáo hàng năm.	42
Điều 39. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.	42
Chương XI	43
KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 40. Kiểm toán.	43
Chương XII.....	44
CON DẤU	44
Điều 41. Con dấu.....	44
Chương XIII.....	45
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	45
Điều 42. Chấm dứt hoạt động.	45
Điều 43. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.	45
Chương XIV	46
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 44. Giải quyết tranh chấp nội bộ.	46
Chương XV	47
SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 45. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	47
Chương XVI	48
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	48
Điều 46. Ngày hiệu lực.....	48

Điều 47. Điều khoản thi hành.	48
Điều 48. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Phát triển công nghệ AIC (dưới đây gọi là “Công ty”), là công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Công ty hoạt động theo Điều lệ, các qui định, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật và sẽ là cơ sở pháp lý, qui định ràng buộc việc tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều lệ này đã được thông qua một cách hợp lệ bởi Đại hội đồng cổ đông thành lập của công ty tổ chức vào ngày 25 tháng 12 năm 2009.

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần 1 vào ngày công ty được Phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới - Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 12 tháng 8 năm 2010.

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần 2 sau khi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty tổ chức ngày 31 tháng 5 năm 2014.

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần 3 sau khi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường của công ty tổ chức ngày 3 tháng 12 năm 2014.

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần 3 sau khi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty tổ chức ngày 13 tháng 6 năm 2015.

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần 4 sau khi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của công ty tổ chức ngày 24 tháng 3 năm 2016.

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần 5 sau khi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của công ty tổ chức ngày 17 tháng 2 năm 2017.

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ.

1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

a) “Hội đồng quản trị”, viết tắt là HĐQT, là Hội đồng quản trị của Công ty.

b) “Địa bàn kinh doanh” là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

c) “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.

d) “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Khoá XIII thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

e) “Ngày thành lập” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

f) “Người quản lý công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các cá nhân khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm quản lý của Công ty.

g) “Những người liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4 (khoản 17) của Luật doanh nghiệp.

h) “Cổ đông” là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

i) “Thời hạn” là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

k) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

1.3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, người đại diện cho pháp luật và thời gian hoạt động của Công ty.

2.1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là “Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Phát triển công nghệ AIC”;

Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là “Advancing Technologies & Investment Consultants Joint-stock Company” (AIC JSC);

2.2. Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân đầy đủ, phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty.

Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 39330808/39330909

Fax: 39330101

E-mail: aic_info@aic.com.vn

Website: www.aic.com.vn

2.4. Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh cần thiết để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 42 và 43 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là không thời hạn và bắt đầu từ ngày thành lập.

Điều 3. Mục tiêu kinh doanh của công ty.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ & đào tạo
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ
- Cung cấp dịch vụ thông tin, viễn thông
- Phát triển và cung cấp phần mềm
- Thiết kế, thi công các hệ thống điện tử công trình
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn xây dựng
- SXKD điện, điện tử, viễn thông, máy móc và phụ tùng

(Chi tiết các ngành nghề xem trong Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, mục **Bố** cáo doanh nghiệp: <https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=1424f>).

Mục tiêu của Công ty là:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển SX-KD trên lĩnh vực ngành nghề đã được đăng ký kinh doanh, nhằm mục đích tạo ra lợi nhuận và mức lãi cổ tức ngày càng cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho

người lao động, đóng góp với Ngân sách Nhà nước, xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển vững mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và trách nhiệm.

4.1. Công ty sẽ lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

4.2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

4.3. Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông góp.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty.

5.1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

5.2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:

a) Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

b) Hội đồng quản trị (HĐQT) do ĐHCĐ bầu ra để quản lý Công ty;

c) Ban Kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành Công ty;

d) Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.

5.3. Các tổ chức quản chúng trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương II.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.

6.1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Công ty không có cổ đông sáng lập.

6.2. Vốn Điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 VNĐ (Sáu tỷ đồng). Tổng số vốn Điều lệ được chia thành 600.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Trong đó 100% thuộc sở hữu của các cổ đông là cá nhân và pháp nhân.

6.3. Công ty chỉ có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

6.6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi ngày), để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết, sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ phi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

6.7. Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình theo những cách thức được quy định trong Luật doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Cổ phần do Công ty mua lại được gọi là cổ phiếu quỹ và giữ tại “**Quỹ cổ phiếu**” của Công ty, được dùng để thưởng cho những lao động tiên tiến của Công ty và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.8. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu.

7.1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại khoản 7.8 Điều này.

7.2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

7.3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định, khi có) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

7.4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

7.5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

7.6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7.7. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu, hoặc trái phiếu, hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

7.8. Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có

thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.

8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng (trừ trường hợp quy định tại khoản 8.2 Điều này và khi luật pháp có quy định khác). Trong trường hợp cổ phiếu của công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết, việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu của công ty sẽ tuân thủ theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán.

8.2. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

8.3. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.

8.4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của cổ đông đã chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần.

9.1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi xuất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

9.2. Thông báo nêu trên sẽ nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán; trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị Công ty thu hồi.

9.3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị nhân danh Công ty sẽ thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ

tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

9.4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ được nhập vào “*Quỹ cổ phiếu*” của Công ty và có thể được bán, tái phân phối, hoặc xử lý theo một cách khác cho người có cổ phần bị thu hồi hay giao nộp hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyên giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

9.5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty (mà chưa thanh toán) cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất của ngân hàng cho đến ngày thực hiện thanh toán; Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

9.6. Trước khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi; việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương III

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của cổ đông Công ty.

10.1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

10.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đó và được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận một phần tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ được nhận sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ và trả cho các cổ đông ưu đãi;

g) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

10.3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Điều 19 (khoản 2) và Điều 30 (khoản 2) tương ứng;

b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông; và:

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của các cổ đông.

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

11.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

11.2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; và:

11.3. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Luật pháp quy định.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.

12.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự; Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần.

12.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

12.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy.

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa.

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 10 (khoản 3) của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan); và:

e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 (Trách nhiệm của người quản lý công ty) của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

12.4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3c hoặc 3d trên đây.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các cổ đông.

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3.d của Điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.

d) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

13.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của các kiểm toán viên, và:
- e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

13.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a) Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc thay đổi số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập.

i) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

j) Tổ chức lại và giải thể Công ty.

k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.

l) Giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc bất kỳ Chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.

m) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

n) Công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị của Công ty và các Chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán; và:

o) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

13.3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

a) Các hợp đồng quy định tại Điều 13.2 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc:

b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.

13.4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 14. Các đại diện được ủy quyền.

14.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

14.2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và:

a) Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền hoặc bởi luật sư của người đó; và:

b) Trường hợp là Công ty thì phải được một luật sư hoặc người được ủy quyền hợp lệ của Công ty đã ký và đóng dấu.

14.3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với

Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

14.4. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:

- a) Chết hoặc không còn khả năng tự chủ hành vi của mình.
- b) Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc:
- c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền.

15.1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 13.2 của Điều lệ này khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.

15.2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

15.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại các Điều 17 và 18 của Điều lệ này.

15.4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo.

16.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại các Điều 12.4b hoặc 12.4c của Điều lệ này.

16.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 10 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.

b) Xác định thời gian và địa điểm Đại hội; và:

c) Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội và gửi thông báo Đại hội cho họ.

16.3. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty. Thông báo phải được gửi đi chậm nhất 10 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.

16.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 10.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề dựa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

16.5. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều lệ này nếu:

a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.

c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và:

d) Vấn đề mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

16.6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

16.7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông

không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

17.1. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, hoặc Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa của Đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu của Đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

17.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

17.3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội và thư ký Đại hội ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty.

17.4. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì cuộc họp không được tiến hành, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông (triệu tập lần thứ nhất). Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (33%) cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp (triệu tập lần thứ hai), một Đại hội đồng cổ đông (triệu tập lần thứ ba) có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội (triệu tập lần thứ hai) và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền là bao nhiêu tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông (triệu tập lần thứ nhất) có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

17.5. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

17.6. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền (có quyền biểu quyết) một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.

17.7. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

17.8. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

17.9. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;

b) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc:

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

17.10. Chủ tọa của Đại hội hoặc thư ký Đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

17.11. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đó xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một

cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.

17.12. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng đề:

a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự Đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).

Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

17.14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ coi là tham gia Đại hội ở địa điểm đã thông báo.

Điều 18. Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản.

18.1. Theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp các nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 65% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của Điều này.

18.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:

a) Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và quy định của pháp luật.

b) Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, để các cổ đông này đưa ra các quyết định có được đầy đủ thông tin.

c) Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày, sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại Hội đồng quản trị.

18.3. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại khoản 1 của Điều này có giá trị tương đương các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ.

19.1. Số thành viên của Hội đồng quản trị từ 3 đến 6 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.

19.2. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông và nhóm cổ đông. Các cổ đông được quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị bằng cách gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu, theo quy định như sau:

a) Mỗi cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên, được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

b) Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị.

c) Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà:

-Cổ đông (hoặc đại diện nhóm cổ đông) nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 20% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

- Nếu chiếm từ 20% đến dưới 35% thì họ được quyền đề cử 02 thành viên;

- Nếu chiếm từ 35% đến dưới 50% thì họ được quyền đề cử 03 thành viên;

- Nếu chiếm từ 50% đến dưới 65% thì họ được quyền đề cử 04 thành viên;

- Nếu chiếm từ 65% đến dưới 80% thì họ được quyền đề cử 05 thành viên;

- Nếu chiếm lớn hơn 80% thì họ được quyền đề cử 06 thành viên.

19.3. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.

d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đó quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

19.4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

19.5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong trường hợp công ty thực hiện giao dịch và niêm yết.

19.6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty, có thể là người được uỷ quyền quản lý cổ phần.

Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

20.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

20.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác.

20.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.

b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện.

e) Thực hiện các khiếu nại của Công ty về người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó.

f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.

g) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước.

h) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay bất kỳ người quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có.

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức.

k) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

20.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Việc thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty.

b) Việc thành lập các công ty con của Công ty.

c) Trong phạm vi quy định tại Điều 149 của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các Hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp đều phải do đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

d) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty.

e) Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch tổng doanh thu hàng năm.

g) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay ở nước ngoài.

h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại.

j) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; và:

k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

20.5. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị vì chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

20.6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và người quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp có quy định khác.

20.7. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.

20.8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị được ghi trong báo cáo thường niên của Công ty.

20.9. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20.10. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Chủ tịch, Phó chủ tịch, và thành viên Hội đồng quản trị.

21.1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch, một Phó chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể sẽ kiêm chức Tổng giám đốc điều hành Công ty.

21.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp. Phó chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

21.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán và kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

21.4. Khi cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 22. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.

22.1. Mọi thành viên Hội đồng quản trị (nhưng không phải người đã được ủy nhiệm thay thế) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác (được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này), làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

22.2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế sẽ có quyền nhận được thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh/chị ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh/chị ta không có mặt và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

22.3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định anh/chị ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị

nữa. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

22.4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký, gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

22.5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đó chỉ định mình.

Điều 23. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

23.1. Các cuộc họp thường kỳ.

Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

23.2. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 nhân viên quản lý.
- b) Hai thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc:
- d) Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.

23.3. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 2 tuần sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 23.2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

23.4. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

23.5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở

nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

23.6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị 05 ngày trước khi tổ chức, các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp với điều kiện bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản tiếng Việt; phải thông báo về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

23.7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp.

23.8. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại mục 23.8, b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.

b) Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Theo quy định tại mục 23.8d Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120 của Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kê trong hợp đồng đó.

23.9. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành

viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng liên quan.

23.10. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.

23.11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

23.12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cũng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

23.13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a) Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

b) Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

23.14. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đó được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

23.15. Những người được mời họp dự thính: Tổng giám đốc điều hành, những người quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

23.16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

a) Số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và:

b) Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

23.17. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành, một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 25. Người quản lý.

25.1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các chức danh quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

25.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.

26.1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác có liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi cử Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty,

26.2. Nhiệm kỳ: Căn cứ theo Điều 21 của Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc điều hành. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 3 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, như người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án và đang thi hành hình phạt tù, cán bộ thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang, cán bộ công chức nhà nước, v.v.

26.3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

c) Kiến nghị về số lượng và các chức danh quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi thấy cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của Hợp đồng lao động của người quản lý;

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến Hợp đồng lao động của họ;

e) Chậm nhất trong tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm.

f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty .

h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và quy định của pháp luật. Nếu trái với các quy định trên mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho công ty.

26.4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

26.5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành với ít nhất hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành trong trường hợp Tổng giám đốc có quyền biểu quyết) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 27. Thư ký Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định của pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty cùng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- b) Làm biên bản các cuộc họp;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 28. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

29.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

29.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi

các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

29.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính.

29.4. Theo Điều 120 của Luật doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý, hoặc những người liên quan đến họ, hoặc bất kỳ công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị đó, hoặc người quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đó cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi (20) % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc:

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

29.5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường.

30.1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

30.2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để trách những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương VI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn và việc bổ nhiệm Ban Kiểm soát.

31.1. Công ty có Ban Kiểm soát và thành viên của Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Điều 123,124,126 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán.

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.

d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.

e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại, phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.

g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và:

h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

31.2. Quyền được đề cử thành viên Ban Kiểm soát.

a) Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần (có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 6 tháng trở lên) có quyền đề cử một ứng cử viên vào Ban Kiểm soát.

b) Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần (có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên) có thể tập hợp số cổ phần có quyền biểu quyết với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban Kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ 30% đến dưới 60% họ được đề cử 02 người; trên 60% được đề cử 03 người.

c) Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm, cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

31.3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

31.4. Ban Kiểm soát của công ty bao gồm từ 2 - 3 thành viên, trong đó một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập bên ngoài. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không được là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban Kiểm soát.

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và:

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

31.5. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội cổ đông. Đại hội cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ở khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

31.6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người;

31.7. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

31.8. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát.

b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến Trụ sở chính của công ty.

c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi để hoàn thành nhiệm vụ.

d) Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

Chương VII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

32.1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 19.2b, c và 30.2b đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc được người uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

32.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

32.3. Công ty sẽ lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

32.4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty miễn phí. Khi Công ty có một website, Điều lệ này sẽ được đưa lên website đó.

32.5 Tổng giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, và các quy chế của Công ty và pháp luật.

Chương VIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 33. Cổ tức.

33.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

33.2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

33.3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

33.4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

33.5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

33.6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

33.7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho nhận cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

33.8. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) là ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Chương IX

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 34. Tài khoản ngân hàng.

34.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam và/hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

34.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, nếu cần thiết Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

34.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 35. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 36. Năm tài khoá.

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 37. Hệ thống kế toán.

37.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp nhận.

37.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

37.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương X

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 38. Báo cáo hàng năm.

38.1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Bộ Tài chính và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 40 Điều lệ này, trong thời gian 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính phải nộp báo cáo tài chính hàng năm (đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua) cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.

38.2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Khi Công ty trở thành là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con của mình vào cuối mỗi năm tài chính.

38.3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các cổ đông của công ty, nếu Công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo tài chính của Công ty sẽ được đưa lên trang Web.

38.4. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền xem hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán tại trụ sở chính trong giờ làm việc của Công ty khi Công ty tham gia sàn giao dịch chứng khoán, và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 39. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố cho các cổ đông và nộp cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

Chương XI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 40. Kiểm toán.

40.1. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

40.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

40.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu, chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

40.4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

40.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XII

CON DẤU

Điều 41. Con dấu.

41.1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

41.2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 42. Chấm dứt hoạt động.

42.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

42.2. Việc giải thể Công ty do đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến các cơ quan có liên quan để được chấp thuận, nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 43. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.

Trừ khi pháp luật có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phần của Công ty đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

43.1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

43.2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành quyết định các nhiệm vụ của Đại hội.

43.3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Chương XIV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 44. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

44.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: một cổ đông (hay các cổ đông) với Công ty; hoặc một cổ đông (hay các cổ đông) với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay người quản lý cao cấp, thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng hoà giải.

a) Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp để giải quyết hoà giải.

b) Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu được chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

44.2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 04 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của người hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.

44.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do toà phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XV

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 45. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

45.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

45.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XVI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Ngày hiệu lực.

Bản Điều lệ này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2017, được Đại hội đồng cổ đông cùng nhau chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

Điều 47. Điều khoản thi hành.

47.1. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, và được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

47.2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

47.3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và đóng dấu của Công ty mới có giá trị.

Điều 48. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Bà Đặng Thị Thu Chung

Tổng Giám đốc điều hành